

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-PT

Ngày: 14 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Thanh Tuấn

+ Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký Phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Kim Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2021/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T - Sinh năm: 1989 tại thành phố QN, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 2b, khu vực 1, phường ĐĐ, thành phố QN, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B - Sinh năm: 1967; con bà: Tô Thị Điền Y - Sinh năm: 1968; vợ: Nguyễn Thị Tú P - Sinh năm: 1991; con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc N (Tên gọi khác: A) - Sinh năm: 1990 tại thành phố QN, tỉnh Bình Định; nơi ĐKKHTT: Khu vực HK, phường NH, thị xã AN, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Tổ 16, khu vực 3, phường ĐĐ, thành phố QN, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T - Sinh năm: 1963; con bà: Lê Thị Đ - Sinh năm: 1962; vợ: Nguyễn Thị Minh H - Sinh năm: 1982, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Võ Thị Hồng H là bạn của chị Nguyễn Thị Tú P (Sinh năm: 1990; trú tại: Tổ 2B, khu vực 1, phường ĐĐ, thành phố QN, tỉnh Bình Định). Đầu tháng 5/2020, chị H hỏi mượn Phạm Văn T (Là chồng của chị P) số tiền 3.000.000 đồng. Do không có tiền cho mượn nên T giúp chị H vay trả góp hàng tháng của một thanh niên (Chưa rõ lai lịch) số tiền 3.000.000 đồng, khi nhận tiền phải trả lãi trước 600.000 đồng/tháng và hàng ngày trả góp 100.000 đồng. Ngày 16/5/2020, T và chị P giao cho chị H số tiền 2.400.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, chị H trốn tránh, không trả nợ theo thỏa thuận. Khoảng 02 tháng sau, chị H chuyển vào tài khoản của T số tiền 1.500.000 đồng nhờ trả lãi rồi tiếp tục trốn tránh. Do bị người cho vay thúc ép trả nợ nên T phải đứng ra trả hết tiền gốc và tiền lãi là 8.000.000 đồng. Sau đó, T tìm chị H đòi lại số tiền đã trả nợ giúp nhưng không liên lạc được với chị H.

Khoảng 12 giờ ngày 11/9/2020, T phát hiện chị H sử dụng Facebook đăng tin rao bán 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 màu xanh dương trên trang “Chợ sinh viên QN” với giá 3.000.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại để buộc chị H trả nợ. T gọi điện kể lại sự việc cho Nguyễn Ngọc N (Là vợ của chị P) biết và nhờ N gọi điện cho chị H giả vờ hỏi mua điện thoại để hẹn chị H ra gặp để đòi nợ, nếu chị H không trả tiền thì chiếm đoạt điện thoại của chị H và N đồng ý. T đưa số điện thoại của chị H cho N liên lạc. Sau khi liên lạc được, chị H hẹn N lúc 15 giờ cùng ngày gặp nhau tại quán cafe Rex ở địa chỉ số 52 đường HL, phường ĐĐ, thành phố QN, tỉnh Bình Định để xem điện thoại; nhưng do chị H bận việc nên hẹn lại N lúc khác. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị H nhờ bạn là anh Trần Hữu Ph chở đến quán cafe Khanh ở số 103T đường THĐ, phường HC, thành phố QN, tỉnh Bình Định rồi gọi điện báo cho N biết. N gọi điện báo cho T biết địa điểm rồi đi đến điểm hẹn. N vào ngồi chung bàn với chị H và anh Ph ở vỉa hè bên hông quán rồi bảo chị H đưa điện thoại cho N xem. N cầm điện thoại Samsung Galaxy A11 của chị H xem và đồng thời sử dụng điện thoại của N gọi cho T biết đã gặp được chị H. Khoảng 03 phút sau, T điều khiển xe mô tô Honda AirBlade mang biển kiểm soát 77L1-903.16 đến và đứng trước mặt chị H hỏi: “Mày bất ngờ lắm phải không? Sao mày nợ tiền tao mà bỏ đi đâu mấy tháng nay không trả?”; sau đó, T dùng tay tát vào mặt chị H 2-3 cái, chị H sợ nên không dám chống cự lại. T giật lấy điện thoại Samsung Galaxy A11 của chị H do N đang cầm cất vào túi xách đeo trước ngực rồi bảo chị H gọi điện cho chồng chị H đem tiền đến trả nợ thì T mới trả lại điện thoại. Nói xong, T và N ra bàn trước quán cafe ngồi uống nước, còn chị H mượn điện thoại của anh Ph gọi cho chồng là anh Trần Minh Cảm nhưng anh Cảm không nghe máy. Chị H sợ không trả tiền sẽ bị T đánh tiếp nên vào trong quầy pha chế của quán trốn. Khoảng 10 phút sau, T không thấy chị H và người nhà đem tiền đến trả nên đi tìm. Thấy chị H trốn trong quầy pha chế, T gọi ra và tiếp tục dùng tay tát vào mặt chị H 02 cái rồi bảo chị H khi nào trả đủ tiền còn nợ thì T sẽ trả lại điện thoại; sau đó, T cùng N lấy xe máy bỏ đi. T đem điện

thoại Samsung Galaxy A11 về cất tại nhà. Thấy T và N đi khỏi quán, chị H ra nhờ anh Ph chở về nhà. Đến ngày 14/9/2020, chị H đến Công an phường HC, thành phố QN tố giác sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố QN truy xét, đưa T và N về làm việc, tạm giữ điện thoại Samsung Galaxy A11.

Ngày 23/11/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố QN kết luận: Điện thoại di động Samsung Galaxy A11, màu xanh dương, đã qua sử dụng, trị giá 1.600.000 đồng.

Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N đã bồi thường cho chị Võ Thị Hồng H số tiền 2.000.000 đồng; chị H đã nhận lại điện thoại Samsung Galaxy A11, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26/3/2021, các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin được hưởng án treo.

Tại Phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N, giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ việc chị H nhờ bị cáo T vay tiền giúp nhưng sau đó bỏ trốn, tắt điện thoại và không chịu trả nợ nên T phải trả nợ thay. Sau đó, T phát hiện chị H

đăng tin trên Facebook rao bán 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 nên T đã gọi điện kể lại sự việc cho bị cáo Nguyễn Ngọc N biết và nhờ N gọi điện cho chị H giả vờ hỏi mua điện thoại để hẹn chị H ra gặp, mục đích là để đòi nợ, nếu chị H không trả tiền thì chiếm đoạt điện thoại của chị H để buộc chị H phải trả nợ. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2020, sau khi hẹn gặp được chị H tại quán cafe Khanh ở số 103T đường THĐ, phường HC, thành phố QN, tỉnh Bình Định, N đã gọi điện thoại báo cho T biết. T đến nơi hẹn và đã có hành vi dùng tay tát vào mặt chị H và giật lấy điện thoại Samsung Galaxy A11 (trị giá 1.600.000 đồng) của chị H do N đang cầm trên tay rồi đem về cất tại nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và bị cáo N có thời gian phục vụ trong quân ngũ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời án sơ thẩm còn áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng thì trong vụ án này xét thấy bị hại cũng có một phần lỗi, vì nhờ bị cáo T vay tiền giúp nhưng sau đó trốn tránh không trả nợ, buộc bị cáo T phải đứng ra trả nợ thay, gây bức xúc cho bị cáo T nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo N, do nhận thức về pháp luật còn hạn chế, chỉ nghĩ hẹn chị H ra quán là để giúp bị cáo T đòi nợ, không lường trước được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và bị cáo cũng không hưởng lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo T. Do có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà Hội đồng xét xử sơ thẩm thẩm chưa áp dụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm tạo điều kiện để các bị cáo sớm được hòa nhập với cộng đồng là thể hiện nguyên tắc nhân đạo của pháp luật đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an TP.QN;
- Cơ quan THAHS & HTTP Công an TP.QN;
- Chi cục THADS TP.QN;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Duy